TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/HNGĐ
Ngày 30/12/2021
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Hà Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Nguyễn Thị Thuận

2) Bà Phạm Thị Thơm.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thể - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 169/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc "*Không công nhận vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/12/2021 và Quyết hoãn phiên tòa số: 123/2021/QĐST ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Tiến Kh, sinh năm 1959 - Có mặt.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 03, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Nơi cư trú: Thôn Th, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1962 - Có đơn xin xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Th, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Trần Tiến Kh trình bày*:** Ông Kh với bà Q chung sống với nhau từ tháng 11 năm 1987, có tổ chức cưới hỏi đầy đủ, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống với bà Q, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Ph, sinh năm 1989 và Trần Tuấn S, sinh năm 1991 đến nay đã trưởng thành. Đến năm 2010 thì xảy ra nhiều

mâu thuẫn như: Chửi mắng, xúc phạm nhau, đôi khi còn đánh nhau. Thực tế giữa ông với bà Q đã ly thân với nhau trên 10 năm nay, và không còn chung sống với nhau nữa. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, đã ra ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn bà Phạm Thị Q trình bày: Bà với ông Kh chung sống với nhau từ tháng 11 năm 1987 có tổ chức cưới hỏi đầy đủ nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Quá trình chung sống với ông Kh có 02 con chung như ông Kh đã nêu. Đến năm 2010 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn và hai bên đã sống ly thân như ông Kh đã nêu. Nay ông Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, đã ra ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét tuyên bố không công nhận ông Kh và bà Q là vợ chồng.

Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Q; nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại huyện Cư Jút; ông Kh chung sống với bà Q từ tháng 11 năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó, đây là vụ án có quan hệ tranh chấp là "*ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ mở phiên tòa: Ông Kh chung sống với bà Q từ tháng 11 năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Quá trình ông Kh chung sống với bà Q thì xảy ra nhiều mâu thuẫn như: Chửi mắng, xúc phạm nhau. Thực tế đã ly thân với nhau trên 10 năm nay. Sự việc đã được các bên đương sự thừa nhận.

Tại biên bản xác minh ngày 23/11/2021 tại ban tự quản Thôn Th, xã E, huyện C cũng thể hiện là giữa ông Kh và bà Q đã không còn chung sống với nhau nhiều năm liền.

Tại điều Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp mâu thuẫn giữa ông Kh với bà Q là trầm trọng, có căn cứ giải quyết ly hôn, nhưng giữa hai bên chưa có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không phải là hôn nhân thực tế, nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Kh và bà Q.

[4]. Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Các điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Tiến Kh và bà Phạm Thị Q.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Tiến Kh phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003545 ngày 12/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút;*
- *Chi cục THADS huyện Cư Jút;*
- *UBND xã E;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, Vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

DƯƠNG HÀ NGÂN